TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11- 2018
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐĂLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang

2. Ông Nguyễn Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trịnh Thị D, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Chị Dung có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn 10, xã E1, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày:

Chị Trịnh Thị D và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã E1, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Về thủ tục đăng ký kết hôn chị D không nắm rõ nên không biết cán bộ tư pháp thực hiện như thế nào. Trong thời gian sống chung hai

vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, to tiếng, xô xát với nhau nên chị D đã xé bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do đó không thể cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy chứng nhận kết hôn được. Chị D và anh C không còn chung sống với nha từ năm 2016 đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, chị D yêu cầu ly hôn với anh C.

* Qua trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày: Anh Nguyễn Xuân C và chị Trịnh Thị D chung số với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống nên không còn chung sống với nhau. Anh C đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D.

* Về nuôi con chung: Anh C và chị D thỏa thuận: Anh C nuôi con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/10/2010 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh C và chị D không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành quy định. Tại phiên tòa đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX, căn cứ các Điều 56, 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm c mục 3, Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận chị Trịnh Thị D và anh Nguyễn Xuân C là vợ chồng. Giao cháu Nguyễn Tuấn A cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn (chị Trịnh Thị D) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn (anh Nguyễn Xuân C) có nơi cư trú tại thôn 10, xã E1, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Tuy nhiên anh Chức và chị Dung không đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/02/2010, có tổ chức lễ cưới. Qua xác minh tại UBND xã E1 thể hiện: Trong sổ đăng ký kết hôn của UBND xã El không có trường hợp chị Trịnh Thị D và anh Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn. Như vậy có thể xác định, nguyên đơn và bị đơn chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn. Cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng đã có 01 con chung nên cần áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hậu quả.

[4] Nguyên đơn và bị đơn có một con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/10/2010. Cháu A yêu cầu được sống với bố. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận anh Chức nuôi con chung Nguyễn Tuấn A, không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng. Thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung của nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạchvề hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 87; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị D về iệc yêu

cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Xuân C.

2. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân C và chị Trịnh Thị D.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/10/2010 cho anh Nguyễn Xuân C nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị D chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006092 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.